



## **NGUỒN TÀI NGUYÊN CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

*Nguyễn Xuân Hiền*  
*Phó Viện trưởng*

**Tóm tắt:** Đồng bằng sông Cửu Long có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội, có tiềm năng lớn nhất để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, phát triển vườn cây ăn trái đem lại giá trị xuất khẩu lớn cho cả nước và mở rộng giao lưu với khu vực và thế giới. ĐBSCL gồm 13 tỉnh/thành, với diện tích đất liền 39.712 km<sup>2</sup> (chiếm 12,1% diện tích cả nước), có hải phận rộng trên 360 nghìn km<sup>2</sup>, dân số năm 2006 khoảng 17,4 triệu người (bằng 21% dân số cả nước). ĐBSCL có đặc điểm tự nhiên nổi bật ít có trên thế giới với gần một nửa

diện tích bị ngập lũ từ 3-4 tháng mỗi năm, là hạn chế lớn đối với canh tác nông nghiệp, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống của dân cư. Khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất và nước là vấn đề cốt lõi nhất, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái ở ĐBSCL. Thủy- hải sản là nguồn lợi kinh tế lớn và quan trọng của vùng ven biển. Những năm gần đây việc phát triển nhanh chóng diện tích nuôi tôm tự phát, không theo quy hoạch chung, thiếu các giải pháp kỹ thuật đã gây nhiều thiệt hại cho lâm nghiệp, nông nghiệp và ảnh hưởng xấu tới môi trường, không những gây suy thoái môi trường ngay tại các khu vực chuyển đổi mà còn làm tăng mức độ lan truyền mặn sâu vào nội đồng. Nhiều khu vực sự lan truyền ô nhiễm diễn ra không kiểm soát được. Việc sút giảm diện tích và suy thoái chất lượng rừng ngập mặn gây hậu quả nghiêm trọng, là một trong những nguyên nhân chính của vấn đề xói lở bờ biển, cửa sông, ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của thủy hải sản ven biển. Cung cấp nước sạch cho sinh hoạt, xử lý ô nhiễm từ các khu công nghiệp, từ các vùng chuyên canh thủy sản, gìn giữ và bảo vệ môi trường là vấn đề sống còn đối với phát triển bền vững ở ĐBSCL.

## I. NGUỒN TÀI NGUYÊN CỦA ĐBSCL

### 1.1 Nguồn nước

ĐBSCL lấy nước ngọt từ sông Mê Công và nước mưa. Cả hai nguồn này đều đặc trưng theo mùa một cách rõ rệt. Lượng nước bình quân của sông Mê Công chảy qua ĐBSCL hơn 460 tỷ m<sup>3</sup> và vận chuyển khoảng 150-200 triệu tấn phù sa. Chính lượng nước và khối lượng phù sa đó trong quá trình bồi đắp lâu dài đã tạo nên Đồng bằng ngày nay.

ĐBSCL có hệ thống sông kênh rạch lớn nhỏ đan xen, nên rất thuận lợi cung cấp nước ngọt quanh năm. Về mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4, sông Mê Công là nguồn nước mặt duy nhất. Về mùa mưa, lượng mưa trung bình hàng năm dao động từ 2.400 mm ở vùng phía Tây ĐBSCL đến 1.300 mm ở vùng trung tâm và 1.600 mm ở vùng phía Đông. Về mùa lũ, thường xảy ra vào tháng 9, nước sông lớn gây ngập lụt.

Chế độ thủy văn của ĐBSCL có 3 đặc điểm nổi bật:

- Nước ngọt và lũ lụt vào mùa mưa chuyển tải phù sa, phù du, ấu trùng.
- Nước mặn vào mùa khô ở vùng ven biển.
- Nước chua phèn vào mùa mưa ở vùng đất phèn.

ĐBSCL có trữ lượng nước ngầm không lớn. Sản lượng khai thác được đánh giá ở mức 1 triệu m<sup>3</sup>/ngày đêm, chủ yếu phục vụ cấp nước sinh hoạt.

### 1.2 Tài nguyên đất

Tổng diện tích ĐBSCL khoảng 3,96 triệu ha, trong đó khoảng 2,60 triệu ha được sử dụng để phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản chiếm 65%. Trong quỹ đất nông nghiệp, đất trồng cây hàng năm chiếm trên 50%, trong đó chủ yếu đất lúa

trên 90%. Đất chuyên canh các loại cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày khoảng 150.000 ha, đất cây lâu năm chiếm trên 320.000 ha, khoảng 8,2% diện tích tự nhiên.

Vùng bãi triều có diện tích khoảng 480.000 ha, trong đó gần 300.000 ha có khả năng nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ. Theo điều tra năm 1995 có 0,508 triệu ha đất lâm nghiệp, trong đó đất có rừng 211.800 ha và đất không rừng 296.400 ha. Tỷ lệ che phủ rừng chỉ còn 5%.

Các nhóm đất chính ở ĐBSCL gồm:

- Đất phù sa sông (1,2 triệu ha): Tập trung ở vùng trung tâm ĐBSCL. Chúng có

độ phì nhiêu tự nhiên cao và không có các yếu tố hạn chế nghiêm trọng nào. Nhiều loại cây trồng có thể canh tác được trên nền đất này.

- Đất phèn (1,6 triệu ha): Đặc trưng bởi độ axit cao, nồng độ độc tố nhôm tiềm tàng cao và thiếu lân. Nhóm đất này cũng bao gồm cả các loại đất này cũng bao gồm cả các loại đất phèn nhiễm mặn nặng và trung bình. Các loại đất phèn tập trung tại Đồng Tháp Mười và Tứ Giác Long Xuyên còn các loại đất phèn mặn tập trung tại vùng trung tâm bán đảo Cà Mau.
- Đất nhiễm mặn (0,75 triệu ha): Chịu ảnh hưởng của nước mặn trong mùa khô. Các vùng đất này khó có thể được cung cấp nước ngọt. Hiện nay lúa được trồng vào mùa mưa và ở một số khu vực người ta nuôi tôm trong mùa khô.
- Các loại đất khác (0,35 triệu ha): Gồm đất than bùn (vùng rừng U Minh), đất xám trên phù sa cổ (cực Bắc của ĐBSCL) và đất đồi núi (phía Tây-Bắc ĐBSCL).

Nhìn chung ở ĐBSCL rất thuận lợi cho phát triển nông nghiệp không có hạn chế lớn. Do nền đất yếu cho nên để xây dựng công nghiệp, giao thông, bố trí dân cư, cần phải gia cố, bồi đắp nâng nền, do đó cần đòi hỏi chi phí nhiều.

### 1.3 Hệ sinh thái và động vật

#### 1.3.1 Hệ sinh thái

Sông Mê Công đã tạo ra nhiều dạng sinh cảnh tự nhiên, thay đổi từ các bãi thủy triều, giồng cát và đầm lầy ngập triều ở vùng đồng bằng ven biển, các vùng cửa sông, cho đến vùng ngập lũ, các khu trũng rộng, đầm lầy than bùn, các dải đất cao phù sa ven sông và bậc thềm phù sa cổ nằm sâu trong nội địa.

Các vùng đất ngập nước bị ngập theo mùa hoặc thường xuyên chiếm một diện tích lớn ở ĐBSCL. Những vùng này có chức năng kinh tế và sinh thái quan trọng. Các vùng đất ngập nước là một một trong những hệ sinh thái tự nhiên phong phú nhất. Mặt khác, chúng cũng là những hệ sinh thái vô cùng nhạy cảm dễ bị tác động và không thể được do quản lý.

Áp lực dân số và hậu quả của chiến tranh đã thúc đẩy nhanh sự suy thoái, sự xáo trộn và phá hoại các hệ sinh thái tự nhiên của ĐBSCL. Việc quy hoạch và quản lý đúng đắn là hết sức cần thiết để chặn đứng xu thế này và để thực hiện một tiến trình khôi phục và duy trì sự cân bằng sinh thái.

Trong các vùng đất ngập nước ở ĐBSCL, có thể xác định được 3 hệ sinh thái tự nhiên. Tất cả các hệ sinh thái này đều rất “nhạy cảm” về môi trường. Những nét đặc trưng chủ yếu của 3 hệ sinh thái như sau:

- Hệ sinh thái rừng ngập mặn: Rừng ngập mặn nằm ở vùng rìa ven biển trên các bãi lầy mặn. Các rừng này đã từng bao phủ hầu hết vùng ven biển ĐBSCL nhưng nay đang biến mất dần trên quy mô lớn. Trong số các rừng ngập mặn còn lại, trên 80% (khoảng 77.000 ha) tập trung ở tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau.
- Hệ sinh thái đầm nội địa (rừng Tràm): Trước đây rừng Tràm đã từng bao phủ một nửa diện tích đất phèn. Hiện nay chỉ còn lại trong khu vực đất than bùn U Minh và một số nơi trong vùng đất phèn ở Đồng Tháp Mười và đồng bằng Hà

Tiên là những nơi bị ngập theo mùa. Rừng Tràm rất quan trọng đối với việc ổn định đất, thủy văn và bảo tồn các loại vật. Rừng Tràm thích hợp nhất cho việc cải tạo các vùng đất hoang và những vùng đất không phù hợp đối với sản xuất nông nghiệp như vùng đầm lầy than bùn và đất phèn nặng. Cây tràm thích nghi được với các điều kiện đất phèn và cũng có khả năng chịu được mặn.

- Hệ sinh thái cửa sông: Cửa sông là nơi nước ngọt từ sông chảy ra gặp biển. Chúng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các thủy triều và sự pha trộn giữa nước mặn và nước ngọt. Cửa sông duy trì những quá trình quan trọng như vận chuyển chất dinh dưỡng và phù du sinh vật, du đẩy các ấu trùng tôm cá, xác bồi động thực vật và nó quyết định các dạng trầm tích ven biển. Hệ sinh thái cửa sông nằm trong số các hệ sinh thái phong phú và năng động nhất trên thế giới. Tuy nhiên chúng rất dễ bị ảnh hưởng do ô nhiễm môi trường và do các thay đổi của chế độ nước (nhiệt độ, độ mặn, lượng phù sa), những yếu tố có thể phá vỡ hệ sinh thái này. Nhiều loài tôm cá ở ĐBSCL là những loài phụ thuộc vào cửa sông. Mô hình di cư và sinh sản của các loài này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của chế độ sông và thủy triều, phụ thuộc rất nhiều vào môi trường cửa sông.

### 1.3.2 Hệ động vật

Hệ động vật ở ĐBSCL gồm 23 loài có vú, 386 loài và bộ chim, 6 loài lưỡng cư và 260 loài cá. Số lượng và tính đa dạng của hệ động vật thường lớn nhất trong các khu rừng tràm và rừng ngập mặn còn lại.

Sự sống còn của các quần hệ động vật có vú đang bị đe dọa bởi săn bắn, đánh bắt và sự phá hủy liên tục nơi cư trú. Chúng tập trung chủ yếu trong những khu rừng tự nhiên (rừng U Minh và Bảy Núi).

ĐBSCL là một vùng trú đông quan trọng đặc biệt đối với các loài chim di trú. Trong những năm gần đây, bảy khu vực sinh sản lớn của các loài diệc, vò vằn, cò trắng và vạc đã được phát hiện trong các khu rừng tràm, loài sếu mỏ đỏ phương đông, gần đây đã được phát hiện ở huyện Tam Nông trong Đồng Tháp Mười. Trong khu bảo tồn Tràm Chim có 92 loài chim đã được xác định. Trong vùng rừng U Minh, có 81 loài chim đã được ghi nhận.

Những vùng ngập nước ở ĐBSCL cũng là nơi cư trú của các loài bò sát và động vật lưỡng cư. Nhiều loài động vật có vú, chim, bò sát và động vật lưỡng cư bị đánh bắt phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng.

Theo Trung tâm Quốc gia Giống thủy sản nước ngọt Nam bộ, ĐBSCL có trên 250 loài cá nước ngọt, trong đó khoảng 50 loài có giá trị kinh tế cao và khoảng gần 20 loài cá quý hiếm.

## II. SỰ TÁC ĐỘNG QUA LẠI

### 2.1 Tác động của các yếu tố môi trường tự nhiên đến con người

- *Mặt tốt:* Môi trường tự nhiên cung cấp nguyên liệu và không gian cho sản xuất xã hội. Con người sống trên Trái đất cần có không khí để hít thở, nước và thực

phâm đề nuôi dưỡng cơ thể, đất đai để xây dựng nhà cửa, trồng cây, chăn nuôi và tiến hành các hoạt động sản xuất... Môi trường tự nhiên gắn liền với sự tồn tại của con người và là cơ sở để con người sống và phát triển.

- *Mặt xấu:* Môi trường tự nhiên cung cấp tài nguyên cần thiết cho con người duy trì sự sống. Tuy nhiên, cũng phải nói rằng môi trường tự nhiên cũng là nơi gây ra nhiều thảm họa cho con người (thiên tai), và các thảm họa này sẽ tăng lên nếu con người gia tăng các hoạt động mang tính tàn phá môi trường, gây mất cân bằng tự nhiên

## 2.2 Tác động của con người đến môi trường tự nhiên

- *Tích cực:* Con người cải tạo môi trường tự nhiên thông qua việc cải tạo đất, nguồn nước, trồng cây xanh, trồng rừng, bảo vệ các loài động thực vật quý hiếm. Tuy nhiên phần lớn hoạt động của con người đều mang lại tác động tiêu cực cho môi trường tự nhiên
- *Tiêu cực:*
  - + Chặt phá rừng, chuyển đất rừng thành đất nông nghiệp làm mất đi nhiều loại động, thực vật quý hiếm, tăng xói mòn đất, thay đổi khả năng điều hoà nước và biến đổi khí hậu...
  - + Gây ô nhiễm môi trường do các loại chất thải sinh hoạt và công nghiệp
  - + Các hoạt động của con người trên trái đất ngăn cản chu trình tuần hoàn nước, ví dụ đắp đập, xây nhà máy thủy điện, phá rừng đầu nguồn... Việc này có thể gây ra úng ngập hoặc khô hạn nhiều khu vực, thay đổi điều kiện sống bình thường của các sinh vật nước...
  - + Gây mất cân bằng sinh thái thông qua việc: Săn bắn quá mức, đánh bắt quá mức. Săn bắt các loài động vật quý hiếm như rái cá, sếu đầu đỏ, lợn rừng... có thể dẫn đến sự tuyệt chủng.



Hình 1: Tương tác giữa con người và môi trường

## 2.3 Một số vấn đề về nguồn nước mặt ở ĐBSCL

Trạng thái nước bị biến đổi suy giảm mực nước trên các dòng sông chính vào mùa khô, chất lượng nước mặt diễn biến xấu đi do tác động từ các nguồn thải đô thị, sản xuất công nghiệp, canh tác nông-lâm-ngư nghiệp... chưa được xử lý triệt để vẫn tiếp tục thải vào sông rạch. Tình trạng mặn hóa, phèn hóa cục bộ càng ngày càng diễn biến phức tạp tác động nhiều mặt đến chất lượng nước mặt ở ĐBSCL. Việc khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên nước mặt ở ĐBSCL đang trở thành một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trong đó có nhiều vấn đề cần phải giải quyết đồng bộ.

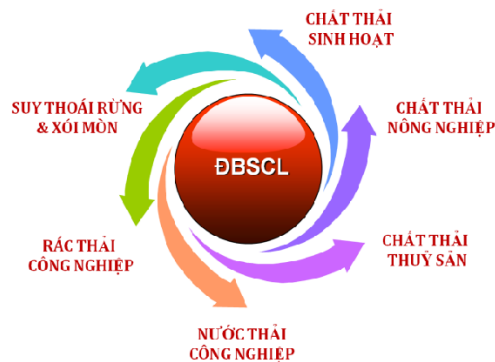
Trong nông nghiệp, ĐBSCL có diện tích canh tác trên 2,9 triệu ha, nguồn nước tưới chủ yếu là nước ngọt trên sông rạch do sông Mê Công chảy đến và nước trời do mưa đem đến. Nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng do phát triển tăng vụ trong trồng trọt (lúa đông xuân, lúa hè thu), chăn nuôi... trong khi chúng ta lại chưa kiểm soát được chặt chẽ về số lượng và chất lượng nước cho canh tác nông nghiệp. Ở ĐBSCL, sử dụng nước còn rất tùy tiện, hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất... Do đó, đã dẫn đến tình trạng lãng phí nước vào mùa, nhưng vào mùa khô lại thiếu nước trầm trọng. Hàng năm, ĐBSCL sử dụng khoảng 2 triệu tấn phân bón hóa học và gần 500.000 tấn thuốc bảo vệ thực vật, có thể gây các rủi ro sự cố môi trường do sự tồn dư hóa chất độc hại trong môi trường nước.

Trong nuôi trồng thủy sản, toàn vùng có diện tích nuôi thủy sản nước ngọt, nước mặn trên 685.800 ha, sản lượng gần 1 triệu tấn/năm, với rất nhiều mô hình canh tác khác nhau. Một điều hết cần hết sức quan tâm là, với các mô hình nuôi thâm canh càng cao, quy mô công nghiệp càng lớn thì lượng chất thải lại càng lớn và mức độ nguy hại cho môi trường nước càng nhiều. Các nguồn chất thải sau nuôi trồng chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường vẫn được thải ra các sông, kinh, rạch trong khu vực (ở khu vực ĐBSCL theo đánh giá đã cho thấy hàng năm thải ra 456,6 triệu m<sup>3</sup>/bùn thải và chất thải nuôi trồng thủy sản) gây nên các tác động xấu đến chất lượng nước và dịch bệnh phát sinh.

Trong sản xuất công nghiệp, ở ĐBSCL có trên 12.700 doanh nghiệp đang hoạt động, tác động mạnh đến các thành phần của môi trường, nhất là môi trường nước. Đặc biệt có 111 khu công nghiệp và cụm sản xuất công nghiệp, 119 cơ sở chế biến thủy sản với công suất 3.200 tấn/ngày... sử dụng các nguồn nước trong sản xuất chế biến đã thải ra lượng nước thải trên 47 triệu m<sup>3</sup>/năm; các đô thị và các khu dân cư thải ra 102 triệu m<sup>3</sup>/năm. Lượng nước thải này chưa được xử lý triệt để, tiếp tục thải ra nguồn tiếp nhận là sông, kinh, rạch, làm suy giảm chất lượng nước mặt, gây nên các dịch bệnh cho nuôi trồng thủy sản và đặc biệt là gây hại đến sức khỏe người dân.

Quá trình chuyển dịch nuôi trồng thủy sản diễn ra quy mô lớn ở vùng mặn hóa ven biển cũng đã làm gia tăng tình trạng xâm nhập mặn ở các vùng ven biển. Tác động làm suy giảm rừng ngập mặn ven biển tiếp tục diễn ra ảnh hưởng đến các hệ sinh thái rừng ngập mặn. Nuôi cá bè trên sông rạch, nuôi thâm canh thủy sản vùng ngọt hóa đã gây nên các tác động đến chất lượng môi trường nước ở đây. Xâm nhập mặn gia tăng vào mùa khô trên các sông lớn (sông Tiền, sông Hậu và sông rạch ven biển). Ở vùng ven biển khu vực ĐBSCL, nước mặn trong mùa khô hạn đã tiến vào sâu nội địa 50-80 km.

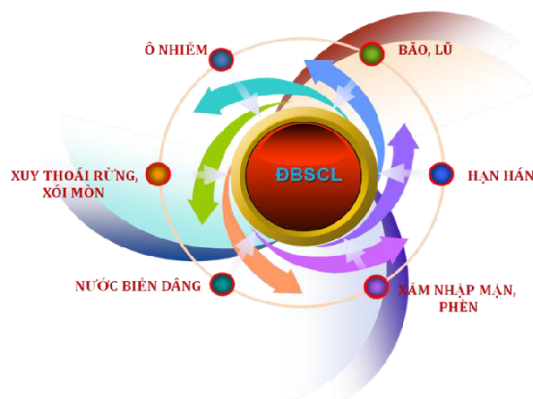
lượng bốc hơi cao nên độ mặn trên các sông tiếp tục tăng cao và diễn biến phức tạp hơn các năm trước đây. Mực nước sông Tiền, sông Hậu tiếp tục xuống thấp rất khó khăn về nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Tình trạng thiếu nước ngọt, kiệt nước trong mùa khô tiếp tục diễn ra ngày càng nghiêm trọng ở nhiều địa phương thuộc các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bạc Liêu, Kiên Giang...



Hình 2: Ô nhiễm môi trường ở ĐBSCL

### III. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Cùng với sự phát triển nhanh về kinh tế, môi trường ở ĐBSCL đang chịu những ô nhiễm đáng lo ngại. Trong bối cảnh chúng ta bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác bảo vệ môi trường đang được đặt ra những nhiệm vụ rất lớn.



Hình 3: Các vấn đề về môi trường ở ĐBSCL

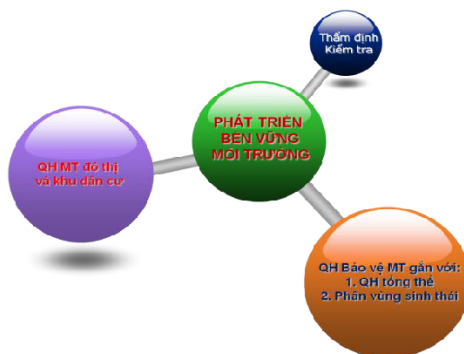
Việt Nam đã xây dựng Chiến lược bảo vệ môi trường giai đoạn 2001-2010 và đưa công tác bảo vệ môi trường trở thành một mục tiêu quan trọng trong số tám Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ mà Chính phủ cam kết thực hiện cho đến năm 2015. Bộ Chính trị đã có Chỉ thị về "Tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", khẳng định: "BVMT là một vấn đề sống còn của đất nước, của nhân loại; là nhiệm vụ có tính xã hội sâu sắc, gắn liền với cuộc đấu tranh xóa đói, giảm nghèo ở mỗi nước, với cuộc đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ trên phạm vi toàn thế giới".

Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2008 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ hai vừa qua, đã nêu rõ các chỉ tiêu môi trường mà chúng ta

phải thực hiện. Theo đó, "cung cấp nước sạch cho 75% dân số nông thôn và cho 85% dân số đô thị; Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 60%; Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom: 80%; Tỷ lệ xử lý chất thải nguy hại: 64%; Tỷ lệ xử lý chất thải y tế: 86%; Xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: 60%...".

Luật Bảo vệ môi trường đi vào cuộc sống, vai trò quản lý của các cơ quan nhà nước dần được tăng cường và nâng cao, nhận thức xã hội cũng có nhiều chuyển biến. Điều này đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong toàn xã hội từ nhận thức sang hành động bảo vệ môi trường. Để giải quyết các vấn đề về trạng thái và chất lượng nước ở khu vực ĐBSCL, đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên nước theo tôì, cần tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản sau đây:

1. Cần tiến hành thực hiện Quy hoạch Bảo vệ môi trường gắn liền với phân vùng sinh thái và Quy hoạch tổng thể phát triển vùng ĐBSCL. Trong đó chú trọng các vấn đề: Sử dụng hợp lý và bền vững tài nguyên nước ngọt sông Mê Công; phân vùng quy hoạch và sử dụng hiệu quả vùng ngập mặn cho phát triển thủy sản, hệ sinh thái rừng ngập mặn...với vấn đề Bảo vệ môi trường sinh thái vùng ven biển; đẩy nhanh công tác quy hoạch thủy lợi cho canh tác nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản bảo đảm yêu cầu cung cấp và thoát nước gắn liền với nhiệm vụ xử lý môi trường nước trong các hệ canh tác nông-lâm-ngư.
2. Trong sản xuất công nghiệp ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ..., cần tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra thanh tra việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, đảm bảo các nguồn thải được xử lý phải đáp ứng tiêu chuẩn môi trường quy định trước lúc thải ra môi trường. Kiên quyết xử lý các doanh nghiệp, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường.



Hình 4: Các vấn đề về môi trường cần giải quyết đồng bộ

3. Tiến hành Quy hoạch môi trường đô thị và khu dân cư, đảm bảo tốt việc xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt. Thực hiện tốt chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, chương trình vệ sinh và an toàn thực phẩm... Tăng cường thực hiện công tác quan trắc giám sát chất lượng nước mặt, đánh giá diễn biến chất lượng và trạng thái các thành phần môi trường, dự báo diễn biến phục vụ thiết thực cho sản xuất canh tác và bảo vệ môi trường cũng như khả năng ứng cứu sự cố môi trường một cách kịp thời và có hiệu quả cao.

Mà cụ thể là các bước sau:



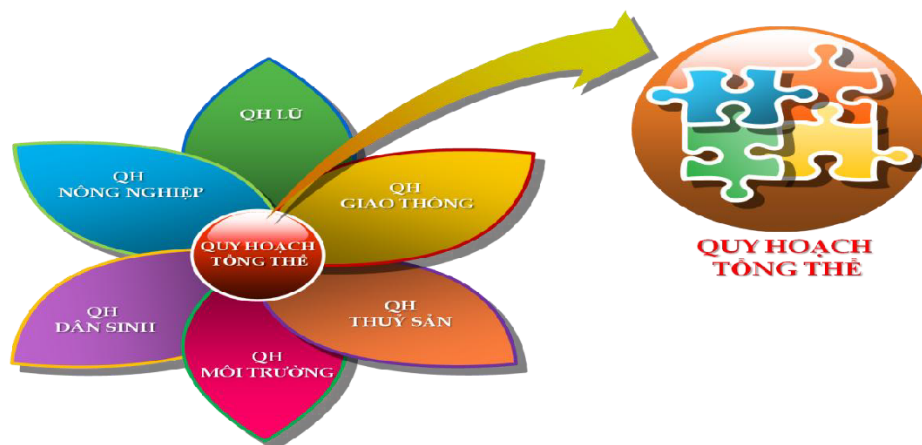
1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT cho các tổ chức cá nhân để nâng cao nhận thức cộng đồng và ý thức tự giác tuân thủ pháp luật về BVMT, để toàn xã hội tham gia bảo vệ môi trường, trong đó có các tổ chức quần chúng và doanh nghiệp là quan trọng.
2. Tập trung làm tốt công tác quy hoạch phát triển, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.
  - Xây dựng các tiêu chí chặt chẽ về BVMT. Đây sẽ là một công cụ mang tính phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường có hiệu quả. Vì vậy, các biện pháp bảo vệ môi trường cần được triển khai đồng bộ, liên kết với nhau trong phạm vi các vùng lãnh thổ rộng lớn.
  - Lồng ghép yếu tố môi trường vào trong các quy hoạch phát triển cũng đã trở thành một yếu tố cấp bách: Trong hầu hết các bản tổng kết ngành, thường chỉ chú trọng đến con số tăng trưởng, mà chưa có sự đánh giá những chi phí do việc hủy hoại môi trường do ngành gây ra. Trong quá trình lập quy hoạch còn thiếu sự tham gia của cộng đồng địa phương, nên hiệu quả thực thi các quy hoạch còn thấp. Đó là chưa kể đến việc thiếu một hành lang pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho gắn kết các vấn đề môi trường vào quá trình lập kế hoạch cũng như một cơ chế để giải quyết xung đột về lợi ích giữa quốc gia và địa phương, giữa các ngành kinh tế.
3. Nâng cao năng lực thẩm định, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát. Thực hiện công tác quan trắc giám sát, đánh giá diễn biến chất lượng và trạng thái các thành phần môi trường, dự báo diễn biến phục vụ thiết thực cho sản xuất canh tác và bảo vệ môi trường cũng như khả năng ứng cứu sự cố môi trường một cách kịp thời và có hiệu quả cao.
4. Tăng cường vai trò của hệ thống tổ chức bảo vệ môi trường ở cấp cơ sở quận/huyện, phường/xã. Ban hành và thực thi Quy chế BVMT, Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của TTCP... nhằm tăng cường hiệu lực quản lý và BVMT.



*Hình 5: Các bước cần thực hiện*

Về lâu dài, việc thường xuyên cập nhật thông tin phản hồi để hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động quản lý nhà nước về BVMT, góp phần tạo môi trường pháp lý cần thiết cho sự phối hợp giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Nhiều quy định pháp luật liên quan đến môi trường như Bộ luật Hình sự..., thanh tra, kiểm tra cũng cần được nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Vấn đề nhận thức đúng, đủ việc cân đối hài hòa giữa bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế và công bằng xã hội sẽ là yếu tố quan trọng với Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới. Nhưng trước hết các ban ngành liên quan cần “ngồi lại với nhau” cùng rà soát, kiểm tra, đánh giá những “cái được, cái mất” chung trong các dự án quy hoạch của mình, để có được một quy hoạch đồng bộ, đảm bảo cho sự phát triển bền vững chung.

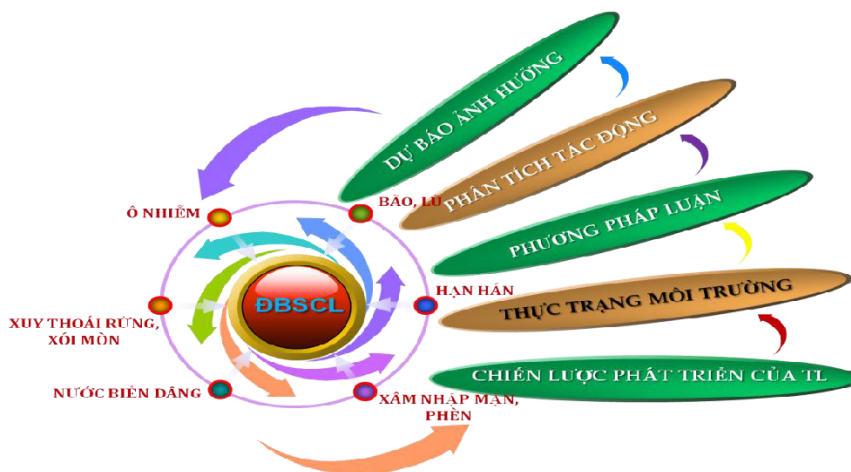


Hình 6: Quy hoạch tổng thể đảm bảo phát triển bền vững

#### IV. CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong bối cảnh các nước ở thượng lưu cũng bước vào thời kỳ phát triển kinh tế. Như vậy có thể thấy sự phát triển kinh tế ở các nước thượng lưu sẽ “trực tiếp” hoặc “gián tiếp” tác động đến môi trường ở ĐBSCL.

Vì vậy rất cần có nghiên cứu đánh giá, dự báo về môi trường trong tương lai:



Hình 7: Nội dung nghiên cứu

Tóm lại, phát triển bền vững cần hài hòa 3 mặt: kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó, vì ĐBSCL là hệ sinh thái ngập nước dễ bị tổn thương. Muốn giữ gìn chất lượng môi trường, việc phát triển công nghiệp ĐBSCL phải quyết định dựa trên cơ sở khoa học và nhận thức về vai trò tối quan trọng của nguồn nước đối với hệ sinh thái. Phát triển công nghiệp ĐBSCL vội vã, chúng ta sẽ mất nguồn lợi thủy sản và nông nghiệp, có khi đánh đổi cả chất lượng cuộc sống.

## Các tin khác

---

**Các giải pháp tổng thể thủy lợi phát triển Đồng bằng sông Cửu Long ([http://siwrp.org.vn/tin-tuc/cac-giai-phap-tong-the-thuy-loi-phat-trien-dong-bang-song-cuu-long\\_296.html](http://siwrp.org.vn/tin-tuc/cac-giai-phap-tong-the-thuy-loi-phat-trien-dong-bang-song-cuu-long_296.html))**

---

**Phát triển thủy lợi trong bối cảnh liên kết vùng - Vùng bán đảo Cà Mau ([http://siwrp.org.vn/tin-tuc/phat-trien-thuy-loi-trong-boi-canhh-lien-ket-vung-vung-ban-dao-ca-mau\\_479.html](http://siwrp.org.vn/tin-tuc/phat-trien-thuy-loi-trong-boi-canhh-lien-ket-vung-vung-ban-dao-ca-mau_479.html))**

---

**Quản lý nước trong bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng tràm, vườn quốc gia U Minh Thượng ([http://siwrp.org.vn/tin-tuc/quan-ly-nuoc-trong-bao-ve-khoi-phuc-va-phat-trien-rung-tram-vuon-quoc-gia-u-minh-thuong\\_370.html](http://siwrp.org.vn/tin-tuc/quan-ly-nuoc-trong-bao-ve-khoi-phuc-va-phat-trien-rung-tram-vuon-quoc-gia-u-minh-thuong_370.html))**

---

**Phát triển thủy lợi trong bối cảnh liên kết vùng - Vùng giữa 2 sông ([http://siwrp.org.vn/tin-tuc/phat-trien-thuy-loi-trong-boi-canhh-lien-ket-vung-vung-giua-2-song\\_478.html](http://siwrp.org.vn/tin-tuc/phat-trien-thuy-loi-trong-boi-canhh-lien-ket-vung-vung-giua-2-song_478.html))**

---

**Vai trò của biển hồ và diễn biến dòng chảy ở Đồng bằng sông Cửu Long ([http://siwrp.org.vn/tin-tuc/vai-tro-cua-bien-ho-va-dien-bien-dong-chay-o-dong-bang-song-cuu-long\\_374.html](http://siwrp.org.vn/tin-tuc/vai-tro-cua-bien-ho-va-dien-bien-dong-chay-o-dong-bang-song-cuu-long_374.html))**

---

Cổng thông tin điện tử VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM  
Giấy phép số: 275/GP-BC ngày 28/6/2007 của Cục Báo chí- Bộ VHHT  
Chịu trách nhiệm chính: Viện trưởng Đỗ Đức Dũng

Thiết kế bởi M.O (<http://movietnam.vn>) - © Bản quyền Viện QHTL Miền Nam®

Online: 6 Hôm qua: 53 Hôm nay: 41 Tổng cộng: 2358